TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2024/DS-ST
Ngày: 09-5-2024
V/v tranh chấp: hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhàn.
2. Ông Trần Văn Nghiệm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lương Huỳnh Phúc Tài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Quí – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 323/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXXST-DS ngày 28/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2024/QĐST-DS ngày 17/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thanh V**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 3/7 ấp 3, xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Ngô Công B, sinh năm 1977.

Địa chỉ: tổ 3, ấp 12, khu phố H, thị trấn c, huyện C, tỉnh Long An

2. Bị đơn: Bà **Lê Kim P**, sinh năm 1976.

Chị **Nguyễn Lê Cẩm T**, sinh năm 2000.

Cùng địa chỉ: ấp X, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Anh B xin vắng mặt; bà P, chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng đại diện ủy quyền nguyên đơn trình bày:*

Ngày 10/01/2019, bà Lê Kim P và chị Nguyễn Lê Cẩm T có vay của anh Nguyễn Thanh V số tiền 355.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 01%/tháng nhưng do nhầm lẫn trong khâu đánh máy nên ghi là trong hợp đồng là 0.1.%/tháng, thời hạn vay là 03 năm, kể từ ngày 10/01/2019 đến ngày 10/01/2022. Khi vay tiền có lập hợp đồng vay ngày 10/01/2019, bà P có ký tên và lăn tay, chị T có ký tên và viết họ tên trong hợp đồng vay nêu trên. Tuy nhiên, cho đến nay, bà P và chị T không thực hiện trả cho anh V số tiền vốn và tiền lãi nào theo hợp đồng. Do đó, anh V khởi kiện yêu cầu bà P và chị T liên đới trả lại anh V số tiền vốn vay 355.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi chậm trả với mức lãi suất là 0,83%/tháng, tính từ ngày 11/01/2022 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Yêu cầu trả vốn và lãi ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn bà Lê Kim P và chị Nguyễn Lê Cẩm T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà P và chị T vẫn vắng mặt không lý do, cũng không gửi đến Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh V.*

Tại phiên tòa:

Đại diện ủy quyền của anh Nguyễn Thanh V là anh Ngô Công B có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn Lê Kim P, Nguyễn Thị Cẩm T vắng mặt không lý do.

**** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát***:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: áp dụng Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: anh V khởi kiện yêu cầu bà P và chị T trả tiền vay nên Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp "hợp đồng vay tài sản" được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại huyện Gò Công Tây nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của đương sự: anh B có đơn đề nghị xét xử vắng măt, bà P và chị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh B, bà P và chị T.

[3] Về nội dung: anh V yêu cầu bà P và chị T trả số tiền vốn vay 355.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, anh V cung cấp bản chính "Hợp đồng vay tiền" ngày 10/01/2019. Hợp đồng có nội dung bên A (anh V) đồng ý cho bên B (bà P và chị T) vay số tiền 355.000.000 (ba trăm năm mươi lăm triệu) đồng; thời hạn vay là 03 năm, kể từ ngày 10/01/2019 đến ngày 10/01/2022; lãi suất 0.1.%/tháng. Tại vị trí bên B của hợp đồng có chữ ký và dấu lăn tay của bà P cùng với chữ ký và chữ viết họ tên của chị Nguyễn Lê Cẩm T.

Bà P và chị T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không gửi đến Tòa án văn bản phản đối đối với chứng cứ mà anh V cung cấp. Như vậy là bà P và chị T đã từ bỏ quyền chứng minh của mình theo qui định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do đó, có đủ cơ sở để xác định giữa anh V với bà P và chị T đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Bà P và chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên có nghĩa vụ làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của anh V. Bà P và chị T cùng vay của anh V số tiền 355.000.00 đồng nên cần buộc bà P và chị T có trách nhiệm liên đới trả anh V số tiền vốn vay 355.000.000 đồng là phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về tiền lãi: anh V yêu cầu tính lãi chậm trả với mức lãi suất là 0,83%/tháng, tính từ ngày 11/01/2022 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm trên số tiền vốn vay 355.000.000 đồng là phù hợp với qui định của pháp luật. Số tiền lãi được tính tương ứng với số tiền vốn vay và thời gian từ ngày 11/01/2022 đến ngày 09/5/2024 là 355.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 27 tháng 29 ngày = 82.364.759 đồng. Anh V yêu cầu bà P và chị T liên đới trả tiền lãi là phù hợp với qui định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về thời gian trả: anh V yêu cầu bà P và chị T trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu của anh V là có cơ sở vì số tiền này bà P và chị T để kéo dài không trả cho anh V đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh V nên cần buộc bà P và chị T trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của anh V được chấp nhận nên bà P và chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 235, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 463, 466, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh V.

Buộc bà Lê Kim P và chị Nguyễn Lê Cẩm T có trách nhiệm liên đới trả anh Nguyễn Thanh V số tiền 437.364.759 đồng (trong đó tiền vốn là 355.000.000 đồng và tiền lãi là 82.364.759 đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí sơ thẩm:

- Bà Lê Kim P và chị Nguyễn Lê Cẩm T phải liên đới chịu 21.494.590 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại anh Nguyễn Thanh V 10.096.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012504 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây

3. Quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- THA.DS huyện Gò Công Tây
- Các đương sự.
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Phan Thị Ngọc Ngân